

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT
KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI
(Ban hành kèm theo Thông báo số: /TB-SNNMT ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

Stt	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện
A	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (78 TTHC)		
I	Lĩnh vực Chăn nuôi (05 TTHC)		
1	1.008128.000.00.00.H48	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Cấp tỉnh
2	1.008129.000.00.00.H48	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Cấp tỉnh
3	1.012832.H48	Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	Cấp tỉnh
4	1.012833.H48	Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	Cấp tỉnh
5	1.012834.H48	Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Cấp tỉnh
II	Lĩnh vực Thú y (04 TTHC)		
6	1.002549.H48	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm vắc xin)	Cấp tỉnh
7	1.013811.H48	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin)	Cấp tỉnh

8	1.013813.H48	Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng được phẩm, vắc xin)	Cấp tỉnh
9	1.002571	Đăng ký, Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm (đối với trường hợp vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh)	Cấp tỉnh
III	Lĩnh vực lâm nghiệp (05 TTHC)		
10	1.014605.H48	Cấp, cấp lại mã số rừng sản xuất là rừng trồng	Cấp tỉnh
11	1.014836.H48	Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Cấp tỉnh
12	1.014837.H48	Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng phòng hộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Cấp tỉnh
13	1.014839.H48	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Cấp tỉnh
14	1.014838.H48	Chuyển loại rừng đối với khu rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Cấp tỉnh
IV	Lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật (03 TTHC)		
15	1.014776.H48	Cấp, cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói	Cấp tỉnh
16	2.001427.H48	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật	Cấp tỉnh
17	1.002560.H48	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật	Cấp tỉnh
V	Lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (02 TTHC)		

18	1.014630.H48	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Cấp tỉnh
19	1.014833.H48	Cấp lại Giấy phép tiếp cận nguồn gen	Cấp tỉnh
VI	Lĩnh vực thủy sản (01 TTHC)		
20	2.002819.H48	Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung thông tin Giấy chứng nhận thủy sản, sản phẩm thủy sản đạt yêu cầu xuất khẩu vào Hoa Kỳ (COA)	Cấp tỉnh
VII	Lĩnh vực thủy lợi (01 TTHC)		
21	1.014847.H48	Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Cấp tỉnh
VIII	Lĩnh vực quản lý chương trình mục tiêu quốc gia (01 TTHC)		
22	1.014736.H48	Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị	Cấp tỉnh, cấp xã
IX	Lĩnh vực Địa chất và khoáng sản (36 TTHC)		
23	1.014260.H48	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	Cấp tỉnh
24	1.014261.H48	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	Cấp tỉnh
25	1.014262.H48	Cấp lại Giấy phép thăm dò khoáng sản	Cấp tỉnh
26	1.014263.H48	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	Cấp tỉnh
27	1.014264.H48	Điều chỉnh Giấy phép thăm dò khoáng sản	Cấp tỉnh
28	1.014268.H48	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản	Cấp tỉnh
29	1.014271.H48	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	Cấp tỉnh

30	1.014273.H48	Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản	Cấp tỉnh
31	1.014257.H48	Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản	Cấp tỉnh
32	1.014265.H48	Cấp lại Giấy phép khai thác khoáng sản	Cấp tỉnh
33	1.014266.H48	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	Cấp tỉnh
34	1.014267.H48	Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản	Cấp tỉnh
35	1.014269.H48	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản	Cấp tỉnh
36	1.014270.H48	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	Cấp tỉnh
37	1.014272.H48	Cấp đổi Giấy phép khai thác khoáng sản	Cấp tỉnh
38	1.014466.H48	Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản	Cấp tỉnh
39	1.014274.H48	Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản	Cấp tỉnh
40	1.014276.H48	Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt	Cấp tỉnh
41	1.014277.H48	Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản	Cấp tỉnh
42	1.014278.H48	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản	Cấp tỉnh
43	1.014295.H48	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	Cấp tỉnh
44	1.014291.H48	Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn	Cấp tỉnh
45	1.014292.H48	Chấp thuận thăm dò, khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản	Cấp tỉnh

46	1.014279.H48	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Cấp tỉnh
47	1.014280.H48	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Cấp tỉnh
48	1.014281.H48	Điều chỉnh Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Cấp tỉnh
49	1.014282.H48	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Cấp tỉnh
50	1.014283.H48	Chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản	Cấp tỉnh
51	1.014256.H48	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	Cấp tỉnh
52	1.014289.H48	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	Cấp tỉnh
53	1.014290.H48	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	Cấp tỉnh
54	1.014346.H48	Giao nộp, thu nhận thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản	Cấp tỉnh
55	1.014786.H48	Khai thác thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản	Cấp tỉnh
56	1.014787.H48	Chấp thuận việc lấy mẫu để nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ chế biến khoáng sản	Cấp tỉnh
57	1.014788.H48	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản	Cấp tỉnh
58	1.014789.H48	Chấp thuận thay đổi nội dung đề án thăm dò khoáng sản	Cấp tỉnh
X	Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ (01 TTHC)		
59	1.011647.H48	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng cao	Cấp tỉnh
XI	Lĩnh vực Nông nghiệp (02 TTHC)		

60	1.003388.H48	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Cấp tỉnh
61	1.003371.H48	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Cấp tỉnh
XII	Lĩnh vực Bảo hiểm (02 TTHC)		
62	2.002169.H48	Chi trả phí bảo hiểm nông nghiệp được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước	Cấp tỉnh
63	1.005411.H48	Chấm dứt việc hưởng hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp và hoàn phí bảo hiểm nông nghiệp	Cấp tỉnh
XIII	Lĩnh vực Đất đai (10 TTHC)		
64	1.013992.H48	Đăng ký biến động chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Cấp tỉnh
65	1.013993.H48	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014	Cấp tỉnh
66	1.013994.H48	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất	Cấp tỉnh
67	1.013995.H48	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở nội dung đã đăng ký	Cấp tỉnh
68	1.013833.H48	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên	Cấp tỉnh

69	1.013947.H48	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp	Cấp tỉnh
70	1.013988.H48	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ trên Giấy chứng nhận đã cấp	Cấp tỉnh
71	2.002750.H48	Công bố Danh mục khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất	Cấp tỉnh
72	1.012821.H48	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất	Cấp tỉnh
73	1.012805.H48	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân cấp tỉnh	Cấp tỉnh
XIV	Lĩnh vực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (01 TTHC)		
74	2.000746.H48	Nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư hoặc toàn bộ dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ	Cấp tỉnh
XV	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (01 TTHC)		
75	1.003524.000.00.00.H48	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	Cấp tỉnh
XVI	Lĩnh vực tổng hợp (01 TTHC)		
76	1.004237.000.00.00.H48	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường	Cấp tỉnh
XVII	Lĩnh vực tài chính đất đai (02 TTHC)		
77	1.012996.H48	Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	Cấp tỉnh, xã
78	1.012995.H48	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	Cấp tỉnh, xã
B	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN		

	CÁC XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU (39 TTHC)		
I	Lĩnh vực Tài nguyên nước (01 TTHC)		
1	1.001662.H48	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	Cấp xã
II	Lĩnh vực chăn nuôi (02 TTHC)		
2	1.012836.H48	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitor lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	Cấp xã
3	1.012837.H48	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitor lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Cấp xã
III	Lĩnh vực Thú y (01 TTHC)		
4	1.013997.H48	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	Cấp xã
IV	Lĩnh vực Địa chất và khoáng sản (02 TTHC)		
5	1.014258.H48	Cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	Cấp xã
6	1.014259.H48	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	Cấp xã
V	Lĩnh vực Nông nghiệp (01 TTHC)		
7	1.003596.H48	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	Cấp xã
VI	Lĩnh vực Bảo hiểm (01 TTHC)		

8	1.005412.H48	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	Cấp xã
VII	Lĩnh vực Đất đai (10 TTHC)		
9	1.014275.H48	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư	Cấp xã
10	1.014284.H48	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển	Cấp xã
11	1.013979.H48	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	Cấp xã
12	1.013978.H48	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	Cấp xã
13	1.013967.H48	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp xã
14	1.012817.H48	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	Cấp xã
15	1.012818.H48	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	Cấp xã
16	1.012812.H48	Hòa giải tranh chấp đất đai	Cấp xã
17	1.012796.H48	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	Cấp xã
18	1.012753.H48	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	Cấp xã

VIII	Lĩnh vực giảm nghèo (05 TTHC)		
19	3.000412.H48	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	Cấp xã
20	1.011608.000.00.00.H48	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	Cấp xã
21	1.011607.000.00.00.H48	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	Cấp xã
22	1.011606.000.00.00.H48	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	Cấp xã
23	1.011609.000.00.00.H48	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	Cấp xã
IX	Lĩnh vực lâm nghiệp (01 TTHC)		
24	1.014832.H48	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp xã
X	Lĩnh vực thủy lợi (12 TTHC)		
25	1.014848.H48	Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp xã
26	1.014849.H48	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp xã
27	1.014850.H48	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	Cấp xã

		cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	
28	1.014851.H48	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp xã
29	1.014852.H48	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp xã
30	1.014853.H48	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp xã
31	1.014854.H48	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp xã
32	1.014859.H48	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp xã
33	1.014860.H48	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp xã
34	1.014862.H48	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp xã

35	1.014863.H48	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp xã
36	1.014864.H48	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp xã
XI	Lĩnh vực quản lý chương trình mục tiêu quốc gia (01 TTHC)		
37	1.014737.H48	Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất cộng đồng	Cấp xã
XII	Lĩnh vực thủy sản (02 TTHC)		
38	1.004680.000.00.00.H48	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	Cấp xã
39	1.004656.000.00.00.H48	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	Cấp xã